

Số: 12/2 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 12 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính (chuẩn hóa)
lĩnh vực Thanh tra trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Quyết định của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Thanh tra;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra thành phố tại Tờ trình số 05/TTr-TTTP ngày 22/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực Thanh tra còn hiệu lực trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Chánh Thanh tra thành phố tổ chức xây dựng hoàn thiện, ban hành các quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính tại Điều 1; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh Thanh tra thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: KSTTHC, NC&KTGS;
- Lưu: VT, KSTTHC2.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Khắc Nam

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HOÁ NĂM 2024
LĨNH VỰC THANH TRA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố)

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
I Lĩnh vực Tiếp công dân (03 TTHC)									
1	1.010943	Thủ tục tiếp công dân tại thành phố	Theo khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, kiến nghị, phản ánh.	UBND thành phố, các sở, ngành và tương đương	Không	x	Không	Không	- Căn cứ Luật Tiếp công dân năm 2013; Luật Tố cáo năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021; - Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022.
2	1.010944	Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện	Theo khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, kiến nghị, phản ánh.	UBND cấp huyện	Không	x	Không	Không	- Căn cứ Luật Tiếp công dân năm 2013; Luật Tố cáo năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021; - Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
3	1.010945	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	<i>Theo khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân:</i> Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, kiến nghị, phản ánh.	UBND cấp xã	Không	x	Không	Không	- Căn cứ Luật Tiếp công dân năm 2013; Luật Tổ cáo năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Thông tư số 04/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021; - Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTTP ngày 20/5/2022.
II Lĩnh vực Xử lý đơn (03 TTHC)									
1	2.002499	Thủ tục xử lý đơn tại thành phố	<i>Theo khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân:</i> Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, kiến nghị, phản ánh.	UBND thành phố, Giám đốc sở và cấp tương đương	Không	x	Không	Không	- Căn cứ Luật Tiếp công dân năm 2013; Luật Tổ cáo năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Thông tư số 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021; - Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-TTTP ngày 20/5/2022.
2	2.002500	Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện	<i>Theo khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân:</i> Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, kiến nghị, phản ánh.	UBND cấp huyện	Không		Không	Không	- Căn cứ Luật Tiếp công dân năm 2013; Luật Tổ cáo năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Thông tư số 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra - Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-TTTP ngày

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
									20/5/2022.
3	2.002501	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	<i>Theo khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân:</i> Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, kiến nghị, phản ánh.			x			- Căn cứ Luật Tiếp công dân năm 2013; Luật Tổ cáo năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành, - Thông tư số 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021; - Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-TTTP ngày 20/5/2022.
III Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại (05 TTHC)									
1	2.002407	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại thành phố	<i>Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011:</i> Thời gian giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý, đối với vụ việc phức tạp thì thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý	Ủy ban nhân dân thành phố; Các Sở, ngành và tương đương	Không	x	Không	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; - Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-TTTP ngày 29/7/2021.
2	2.002408	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại huyện	<i>Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011:</i> Thời gian giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý, đối với vụ việc phức tạp thì	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	x	Không	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; - Căn cứ Quyết định số

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
			thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý						424/QĐ-TTCP ngày 29/7/2021.
3	2.002409	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại xã	<i>Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011:</i> Thời gian giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý, đối với vụ việc phức tạp thì thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	x	Không	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; - Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-TTCP ngày 29/7/2021.
4	2.002411	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại thành phố	<i>Điều 37 Luật Khiếu nại năm 2011:</i> Thời gian giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý, đối với vụ việc phức tạp thì thời gian giải quyết có thể kéo dài	Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở và cấp	Không	x	Không	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; - Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-TTCP ngày

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
			hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý	tương đương					29/7/2021.
5	2.002412	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	<i>Điều 37 Luật Khiếu nại năm 2011:</i> Thời gian giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý, đối với vụ việc phức tạp thì thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	x	Không	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; - Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-TTCP ngày 29/7/2021.
IV Lĩnh vực Giải quyết tố cáo (03 TTHC)									
1	2.002394	Giải quyết tố cáo cấp thành phố	<i>Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018:</i> Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể	Thanh tra thành phố, Thanh tra sở; cơ	Không	x	Không	Không	- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019;

[illegible]

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
1	2.002400	Thủ tục thực hiện kê khai tài sản, thu nhập	1. Thời điểm hoàn thành kê khai lần đầu: Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1,2,3 Điều 34 của Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/3/2021 (theo hướng dẫn tại Công văn số 252/TTCP-C.VI ngày 19/2/2021 của Thanh tra Chính phủ) - Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1,2 và 3 Điều 34 Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác. 2. Thời điểm hoàn thành việc kê khai bổ sung: Khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31/12 của năm có biến động tài sản, thu nhập. 3. Thời điểm hoàn thành việc kê khai hàng năm: Người giữ chức vụ Giám đốc sở và tương đương trở lên, người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị cá nhân khác theo quy định của Chính phủ phải hoàn thành	Cơ quan nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ chức triển khai	Không	x	Không	Không	- Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 - Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08/3/2021.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
2	2.002401	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Không quá 115 ngày (trong đó thời hạn xác minh là 45 ngày, trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày; thời hạn ban hành kết luận là 10 ngày, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày, thời hạn công khai kết luận là 05 ngày làm việc)	Cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập được quy định tại Điều 30 Luật PCTN 2018	Không	x	Không	Không	- Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 - Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08/3/2021.
3	2.002402	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	Không	x	Không	Không	- Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020; - Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08/3/2021.
4	2.002403	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 15 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	Không	x	Không	Không	- Luật phòng chống tham nhũng năm 2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020; - Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08/3/2021.